

Số *2178* /CV-CTS.KTC/17

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2017

V/v : Giải trình Báo cáo kết quả
kinh doanh hợp nhất quý 1 năm 2017

Kính gửi : -ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

-SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Nhằm bổ sung thông tin có liên quan đến Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1 năm 2017 theo quy định tại mục 4 điều 11 chương III Thông tư 155/2015/TT-BTC phần công bố thông tin của tổ chức niêm yết, Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam (mã cổ phiếu niêm yết:VNM) xin được thuyết minh thêm một số nội dung như sau:

Tổng lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1 năm 2017 tăng 35,77% so với quý 1 năm 2016 là do ảnh hưởng của các yếu tố chính sau :

1. Tổng doanh thu quý 1 năm 2017 có mức tăng trưởng cao, tăng 16,06% so với cùng kỳ năm trước.
2. Tỷ trọng và cơ cấu các nhóm sản phẩm bán ra tiếp tục có sự thay đổi, theo hướng tập trung vào các nhóm ngành hàng có giá trị gia tăng cao, hiệu quả hơn.
3. Chi phí hoạt động được thực hiện một cách có hiệu quả, trong đó chi phí bán hàng giảm cả về mặt giá trị và tỷ lệ %/doanh thu so với cùng kỳ.

Trân trọng,



MAI KIỀU LIÊN

Nơi nhận : - Như trên
- Lưu Bộ phận Tài chính – Khối Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

CHÍNH THỨC

28 - 4 - 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CHO GIAI ĐOẠN BA THÁNG
TỪ NGÀY 01/01/2017 ĐẾN NGÀY 31/3/2017**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

NỘI DUNG

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	3
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	13

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy chứng nhận 4103001932 ngày 20 tháng 11 năm 2003
Đăng ký Doanh nghiệp số 0300588569 ngày 18 tháng 1 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300588569 ngày 18 tháng 1 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch
	Bà Mai Kiều Liên	Thành viên
	Ông Lee Meng Tat	Thành viên
	Ông Nguyễn Hồng Hiền	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Ông Lê Thành Liêm	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Ông Nguyễn Bá Dương	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Ông Lê Song Lai	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2017)
Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2017)	
Ông Lê Anh Minh	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2017)	
Ban Điều hành	Bà Mai Kiều Liên	Tổng Giám đốc
	Ông Mai Hoài Anh	Giám đốc Điều hành Hoạt động kiêm Giám đốc Điều hành Kinh doanh
	Bà Bùi Thị Hương	Giám đốc Điều hành Nhân sự – Hành chính – Đối ngoại
	Ông Lê Thành Liêm	Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính
	Ông Phan Minh Tiên	Giám đốc Điều hành Tiếp thị
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng
	Bà Ngô Thị Thu Trang	Giám đốc Điều hành Dự án
	Ông Trần Minh Văn	Giám đốc Điều hành Sản xuất
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển	
Ông Trịnh Quốc Dũng	Giám đốc Điều hành Phát triển Vùng Nguyên liệu	
Ban Kiểm soát (đến ngày 14 tháng 4 năm 2017)	Ông Nguyễn Trung Kiên	Trưởng ban (đến ngày 14 tháng 4 năm 2017)
	Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2017)
	Ông Vũ Trí Thức	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2017)
Trụ sở đăng ký	10 Tân Trào Phường Tân Phú, Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017***MẪU B01a-DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		20.171.593.469.610	18.673.827.685.789
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	2.216.760.721.249	655.423.095.436
1. Tiền	111		518.760.721.249	599.923.095.436
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.698.000.000.000	55.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.6	10.320.085.979.619	10.453.749.313.471
1. Chứng khoán kinh doanh	121	VI.6a	443.133.010.047	443.132.521.486
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	VI.6a	(500.850.428)	(500.629.886)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	129	VI.6c	9.877.453.820.000	10.011.117.421.871
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.607.663.053.640	2.866.683.958.798
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.2	2.611.281.502.621	2.191.348.458.582
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		526.066.497.300	288.808.403.942
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.3a	474.618.703.937	390.619.273.181
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.2	(4.812.846.473)	(4.168.573.420)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.4	509.196.255	76.396.513
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	3.921.381.723.837	4.521.766.382.352
1. Hàng tồn kho	141		3.924.949.167.814	4.538.439.873.598
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3.567.443.977)	(16.673.491.246)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		105.701.991.265	176.204.935.732
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.14a	64.217.566.864	59.288.353.847
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		41.484.089.983	116.835.557.323
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		334.418	81.024.562
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017***MẪU B01a-DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		10.896.951.173.774	10.704.828.639.675
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.070.538.505	21.855.008.176
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		6.456.333.502	7.245.908.762
2. Phải thu dài hạn khác	216	VI.3b	14.614.205.003	14.609.099.414
II. Tài sản cố định	220		8.261.100.271.418	8.321.053.086.713
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.10	7.859.578.010.941	7.916.322.992.944
- Nguyên giá	222		14.484.383.728.488	14.257.738.667.127
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6.624.805.717.547)	(6.341.415.674.183)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.11	401.522.260.477	404.730.093.769
- Nguyên giá	228		558.862.684.643	557.891.027.713
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(157.340.424.166)	(153.160.933.944)
III. Bất động sản đầu tư	240	VI.12	135.629.558.370	136.973.382.326
- Nguyên giá	241		179.678.050.557	179.678.050.557
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(44.048.492.187)	(42.704.668.231)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.251.044.210.226	993.111.642.018
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	VI.8	79.981.224.080	127.671.589.409
2. Xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.9	1.171.062.986.146	865.440.052.609
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.6	630.414.023.573	613.806.560.199
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		436.519.292.920	419.909.385.728
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.387.836.240	11.387.476.240
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(7.493.105.587)	(7.490.301.769)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		190.000.000.000	190.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		597.692.571.682	618.028.960.243
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.14b	455.688.125.817	459.395.057.029
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	VI.15a	22.611.836.552	34.650.812.752
3. Lợi thế thương mại	269	VI.13	119.392.609.313	123.983.090.462
TỔNG TÀI SẢN (100 + 200)	270		31.068.544.643.384	29.378.656.325.464

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017***MẪU B01a-DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Đơn vị tính : VND*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.049.114.164.383	6.972.707.036.879
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		5.534.019.542.094	6.457.497.982.894
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	2.403.605.166.199	2.561.910.262.979
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		30.555.300.153	35.951.866.026
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.18	746.321.904.930	255.510.130.860
4. Phải trả người lao động	314		125.707.095.455	192.349.429.102
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.19	1.119.390.469.461	1.025.974.683.705
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.20a	802.734.364	3.360.079.979
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.21a	612.150.506.527	592.099.957.922
8. Vay ngắn hạn	320	VI.17	174.251.757.485	1.332.666.200.200
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.22a	2.355.567.358	889.995.571
10. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	VI.23	318.879.040.162	456.785.376.550
II. Nợ phải trả dài hạn	330		515.094.622.289	515.209.053.985
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.20b	1.663.272.218	1.663.272.218
5. Phải trả dài hạn khác	337	VI.21b	197.635.138	589.208.918
6. Vay dài hạn	338	VI.17	327.110.398.182	326.970.398.182
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.15b	90.815.906.053	90.025.589.500
8. Dự phòng phải trả dài hạn	342	VI.22b	95.307.410.698	95.960.585.167

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017***MẪU B01a-DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Đơn vị tính: VNĐ*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	VI.24	25.019.430.479.001	22.405.949.288.585
I. Vốn chủ sở hữu	410		25.019.430.479.001	22.405.949.288.585
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		14.514.534.290.000	14.514.534.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.514.534.290.000	14.514.534.290.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		260.699.620.761	260.699.620.761
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(3.698.257.400)	(1.176.335.920)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		11.016.240.815	5.654.693.453
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.121.479.999.738	1.797.019.925.588
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.877.979.627.383	5.591.831.510.779
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.591.831.510.779	2.928.776.175.324
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.286.148.116.604	2.663.055.335.455
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		237.418.957.704	237.385.583.924
TỔNG NGUỒN VỐN (300 + 400)	440		31.068.544.643.384	29.378.656.325.464

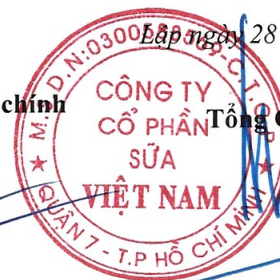
Người lập



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Quyền Giám đốc điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng


Lê Thành Liêm

Lập ngày 28 tháng 4 năm 2017,
Tổng Giám đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT*Lũy kế 3 tháng năm 2017***MẪU B02a-DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Đơn vị tính : VNĐ*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế 3 tháng	
			Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VII.1	12.074.425.433.110	10.369.870.419.298
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VII.1	(25.056.740.672)	(36.961.539.682)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 03)	10	VII.1	12.049.368.692.438	10.332.908.879.616
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	(6.230.237.376.368)	(5.306.197.718.187)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 + 11)	20		5.819.131.316.070	5.026.711.161.429
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	199.756.552.892	168.672.783.352
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	(27.661.528.509)	(32.919.061.976)
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(13.393.474.209)</i>	<i>(8.313.790.353)</i>
8. Phần lãi / (lỗ) trong liên doanh	24		16.609.907.192	11.978.412.638
9. Chi phí bán hàng	25	VII.7	(2.303.389.750.323)	(2.352.461.137.700)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7	(234.141.221.196)	(228.558.093.802)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 + 22) + 24 + (25 + 26)}	30		3.470.305.276.126	2.593.424.063.941
12. Thu nhập khác	31	VII.5	30.423.547.544	44.073.835.871
13. Chi phí khác	32	VII.6	(24.641.159.915)	(10.984.935.615)
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)	40		5.782.387.629	33.088.900.256
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.476.087.663.755	2.626.512.964.197
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.9	(528.294.248.598)	(463.895.734.708)
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.9	(12.787.981.199)	(833.212.911)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)	60		2.935.005.433.958	2.161.784.016.578

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế 3 tháng	
			Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
1	2	3	4	5
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)			2.935.005.433.958	2.161.784.016.578
Phân bổ cho :				
<i>Cổ đông thiểu số</i>			<i>(62.830.946)</i>	<i>4.594.965.268</i>
<i>Cổ đông của Công ty mẹ</i>			<i>2.935.068.264.904</i>	<i>2.157.189.051.310</i>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VII.8	1.799	1.350

Lập ngày 28 tháng 4 năm 2017,

Người lập



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Quyền Giám đốc điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng


Lê Thành Liêm



Tổng Giám đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Lũy kế 3 tháng năm 2017

MẪU SỐ B03a-DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Đơn vị tính: VNĐ*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế 3 tháng	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		3.476.087.663.755	2.626.512.964.197
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		311.243.892.290	289.552.380.294
- Các khoản dự phòng	03		(5.248.321.388)	2.069.301.682
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.045.337.290	4.879.483.004
- (Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang	05		6.756.455.655	1.586.874.770
- Thu nhập từ cổ tức và lãi tiền gửi	05		(186.324.026.005)	(153.225.694.368)
- Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	05		(16.609.907.192)	(11.978.412.638)
- (Lãi)/lỗ từ các hoạt động đầu tư khác	05		4.590.481.149	4.590.481.149
- Chi phí lãi vay	06	VII.4	13.393.474.209	8.313.790.353
- Các khoản điều chỉnh khác			-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		3.605.935.049.763	2.772.301.168.443
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		(535.822.761.013)	(643.813.097.813)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		575.893.123.634	(343.931.914.727)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		74.089.011.677	(407.564.684.707)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.622.947.718	112.828.925.191
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	391.650.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(34.476.094.310)	(4.411.251.035)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	VI.18	(189.074.031.088)	(128.170.725.101)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(462.882.084.959)	(442.089.418.988)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.035.285.161.422	915.540.651.263

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế 3 tháng	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
II.Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(517.785.777.958)	(178.539.539.234)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		13.632.259.257	7.957.839.467
3. Tiền chi cho vay	23		-	-
4. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
5. Tiền thu hồi cho vay	24		789.575.260	1.270.751.997
6. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
7. Tiền chi/(thu) từ tiền gửi có kỳ hạn	24		133.516.596.282	(937.769.650.000)
8. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(8.100.000.000)
9. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
10. Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức	27		189.141.986.132	151.511.215.125
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(180.705.361.027)	(963.669.382.645)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế 3 tháng	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông thiểu số	31		-	-
3. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		(2.521.921.480)	-
4. Tiền chi mua thêm cổ phần từ cổ đông thiểu số trong công ty con			(136.920.000.000)	-
5. Tiền thu từ đi vay	33	VI.16	678.543.472.183	679.432.646.891
6. Tiền trả nợ gốc vay	34	VI.16	(1.837.107.787.294)	(762.757.530.671)
7. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
8. Tiền chi trả cổ tức	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.298.006.236.591)	(83.324.883.780)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.556.573.563.804	(131.453.615.162)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		655.423.095.436	1.358.682.600.684
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(433.347.421)	(2.090.314.169)
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài	62		5.197.409.430	3.191.267.436
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61 + 62)	70		2.216.760.721.249	1.228.329.938.789

Lập ngày 28 tháng 4 năm 2017,

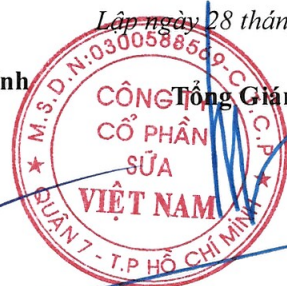
Người lập



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Quyền Giám đốc điều hành Tài chính
kiểm Kế toán trưởng


Lê Thành Liêm



Tổng Giám đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017

(Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn):

- + Ngày 29/4/1993: Công ty Sữa Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ theo loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước.
- + Ngày 1/10/2003: Công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003: Công ty đăng ký trở thành một Công Ty Cổ Phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932.
- + Ngày 28/12/2005: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/1/2006: Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.
- + Ngày 12/12/2006 : Công ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Bất Động Sản Quốc Tế thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 4104000260 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp.
- + Ngày 14/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Bò sữa Việt Nam được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 150400003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Tuyên Quang cấp.
- + Ngày 26/2/2007: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 2603000521 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
- + Ngày 24/6/2010 : Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành Viên Sữa Lam Sơn.
- + Ngày 30/9/2010 : Công ty TNHH 1 Thành Viên Sữa Dielac được đăng ký thành lập dựa trên đăng ký lại từ Công ty TNHH Thực phẩm F&N Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 463041000209, do Ban quản lý Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore cấp.
- + Ngày 18/9/2012: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã ra quyết định số 2482/QĐ-CTS.KSNB/2012 về việc giải thể Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Dielac để thành lập chi nhánh trực

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

thuộc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Vào ngày 25 tháng 9 năm 2012, Ban Quản lý KCN Việt Nam-Singapore cũng ra quyết định số 37/QĐ-BQL về việc chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac. Trong tháng 7 năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac đã hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

- + Ngày 21/10/2013 : Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801971744 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp
- + Ngày 06/12/2013: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 663/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, đầu tư vào Công ty Driftwood Dairy Holdings Corporation tại Bang Carlifornia, Hoa Kỳ. Tại ngày 31/12/2013, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư 7.000.000,00 USD và nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu tại Công ty Driftwood Dairy Holdings Corporation.
- + Ngày 06/1/2014: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 667/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, đầu tư vào Công ty TNHH Sữa Angkor tại Phnompenh, Campuchia với tỷ lệ 51%.
- + Ngày 30/5/2014: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 709//BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, để thành lập Vinamilk Europe sp.z.o.o tại Ba Lan do Vinamilk sở hữu 100% vốn.
- + Ngày 24/2/2014: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã ra nghị quyết giải thể Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế. Ngày 14 tháng 01 năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo số 14191/15 giải thể Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế.
- + Ngày 19/5/2016: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 201600140 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, phê duyệt tăng vốn đầu tư thêm ba (03) triệu đô la Mỹ vào Driftwood Dairy Holdings Corporation. Tại ngày 30/6/2016, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư, nâng tổng số vốn đầu tư lên mười (10) triệu đô la Mỹ và tăng tỷ lệ sở hữu tại Driftwood Dairy Holdings Corporation từ 70% lên 100%.
- + Ngày 19/01/2017: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 25, ngày 18 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp.HCM cấp. Theo đó Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (trước khi sáp nhập là Công ty con 100% vốn của Vinamilk). Công ty đã hoàn tất các thủ tục sáp nhập vào ngày 01 tháng 3 năm 2017.

Trụ sở chính theo giấy phép được đặt tại địa chỉ số 10 đường Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

2. Các hoạt động chính

Theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp, Công ty được phép hoạt động trong các lĩnh vực và ngành nghề sau:

- a. Chế biến, sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, sữa tươi, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu;
- c. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (theo quy định tại điều 11.3 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014);
- d. Kinh doanh kho, bến bãi, vận tải;
- e. Vận tải hàng hóa nội bộ bằng ô tô phục vụ cho hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của công ty;
- f. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống không cồn, nước khoáng, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở);
- g. Sản xuất và mua bán bao bì, sản phẩm nhựa (không hoạt động tại trụ sở)
- h. Phòng khám đa khoa (không hoạt động tại trụ sở);
- i. Chăn nuôi, trồng trọt.
- j. Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột và thực phẩm khác; và
- k. Bán lẻ đồ uống có cồn, đồ không chứa cồn (các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga), nước khoáng thiên nhiên, rượu vang và bia cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

4. Cấu trúc Tập đoàn:

Tại ngày 31/3/2017, Tập đoàn có 5 công ty con, 3 công ty liên kết (01/01/2017: 6 công ty con, 3 công ty liên kết) và đơn vị trực thuộc như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết
+ Các công ty con			
– Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn (*) Khu Công Nghiệp Lễ Môn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất sữa	100%	100%
– Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Chăn nuôi bò sữa	100%	100%
– Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa Khu phố 1, Thị trấn NT Thống nhất, huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất sữa, chăn nuôi	96,11%	96,11%
– Công ty Cổ phần Sữa Driftwood Số 10724, đường Lower Azusa và El Monte Boulevards Intersection, California 91731-1390, Mỹ	Sản xuất sữa	100%	100%
– Công ty TNHH Sữa Angkor Lô P2-096 và P2-097, Đặc khu kinh tế Phnom Penh (PPSEZ), Quốc lộ 4, Khan posechey, Phnom Penh, Vương Quốc Campuchia	Sản xuất sữa	51%	51%
– Công ty Vinamilk Europe sp.z.o.o Ul. Gwiazdzista 7a/401-651 Warszawa, Ba Lan	Bán buôn nguyên liệu sữa, động vật sống	100%	100%
+ Các công ty liên kết:			
– Công ty Cổ phần Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn Lô C-9E-CN, đường DE6, KCN Mỹ Phước 3, phường Thới Hòa, Tx. Bến Cát, Bình Dương	Sản xuất nguyên liệu sữa	15%	15%
– Công ty Cổ phần Apis Số 18A, VSIP II-A, đường 27, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Bán buôn nguyên liệu thực phẩm	18%	18%
– Công ty TNHH Miraka 109 Tuwharetoa, Taupo, New Zealand	Sản xuất sữa	22,81%	22,81%

(*) Công ty con này được sáp nhập vào Công ty trong tháng 3 năm 2017 và tiếp tục hoạt động như một chi nhánh của Công ty sau khi được sáp nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

+ Đơn vị trực thuộc:

Các chi nhánh bán hàng:

- 1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- 2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Tầng 7 Tòa nhà Bưu Điện, 271 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- 3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 77-77B Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Các nhà máy sản xuất:

- 1/ Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 2/ Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 3/ Nhà máy sữa Dielac- Khu Công nghiệp Biên hòa I, tỉnh Đồng Nai.
- 4/ Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Thành phố Cần Thơ.
- 5/ Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 6/ Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, Phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, Nghệ An.
- 7/ Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định.
- 8/ Nhà máy nước giải khát Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.
- 9/ Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.
- 10/ Nhà máy sữa Đà Nẵng – Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng.
- 11/ Nhà máy Sữa bột Việt Nam - 9 Đại lộ Tự Do – KCN Việt Nam-Singapore, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- 12/ Nhà máy Sữa Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.
- 13/ Nhà máy Sữa Lam Sơn - Khu Công nghiệp Lê Môn, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

Kho vận:

- 1/ Xí nghiệp Kho Vận Hồ Chí Minh - Số 32 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 2/ Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Quận Gia Lâm, Hà Nội.

Phòng khám:

Phòng khám Đa khoa An Khang – 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Tập đoàn có 6.960 nhân viên (01/01/2017: 6.981 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

II. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (VNĐ) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

III. CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

- Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
- Tập đoàn lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – *Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 27 – *Báo cáo tài chính giữa niên độ*.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

- Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.
- Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

1. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ:

Được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

b. Đối với đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như sau :
 - + Các khoản vốn bằng tiền và cho vay phải thu: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào tại ngày báo cáo của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch, có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
 - + Các khoản nợ phải trả : Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch, có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (theo thông tư 179/2012/TT-BTC).

c. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại tại ngày lập báo cáo:

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán
01/01/2017	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN.HCM	22.700 VNĐ/USD	22.790 VNĐ/USD
31/3/2017	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN.HCM	22.710 VNĐ/USD	22.780 VNĐ/USD

d. Cơ sở hoạt động nước ngoài:

- Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái bình quân trong kỳ.
- Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do quy đổi báo cáo của các cơ sở hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a. Tiền:

- Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.
- Nguyên tắc ghi nhận:
 - + Tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu và phiếu chi tiền mặt.
 - + Tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào giấy báo Nợ hoặc báo Có của Ngân hàng kết hợp với sổ phụ hoặc bảng xác nhận số dư ngân hàng tại từng thời điểm.
 - + Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ hoặc giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

- Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác;
 - + Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:
 - + Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
 - + Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.
- Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi không làm

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Điều hành Tập đoàn có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.
- Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.
- Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày báo cáo.

c. Các khoản cho vay

- Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

d. Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác:

- Bao gồm các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài. Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

▪ Công ty liên kết

- Công ty liên kết là các đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở các đơn vị đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư lũy kế.
- Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi Ban Điều hành quyết định đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các công ty liên kết theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ trước đó đã được lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị của khoản thu hồi so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

- Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.
- Các khoản phải thu bao gồm phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận như sau:
 - + Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính) giữa Tập đoàn và người mua (bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan như công ty liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu từ xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận dựa trên hóa đơn và chứng từ phát sinh.
 - + Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:
 - Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
 - Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
 - Các khoản phải thu phi thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý.
- Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác* về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt .
- Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Dự phòng phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ).
- Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
- Hàng tồn kho nhập khẩu trong kỳ được ghi nhận tăng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính. Phần thuế nhập khẩu phải nộp được xác định theo tỷ giá tính thuế nhập khẩu của cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật.
- Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

d. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”):

Tập đoàn quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

➤ TSCĐ hữu hình:

- Giá trị tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh, khoản chênh lệch tỷ giá khi thanh toán các khoản mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.
- Chi phí phát triển đàn bò được vốn hóa cho đến khi chúng trưởng thành và chuyển sang thành tài sản cố định để trích khấu hao.

➤ TSCĐ vô hình:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, v.v.
- Quyền sử dụng đất gồm có:
 - + Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
 - + Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp
 - + Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Phần mềm máy bao gồm các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

b. Phương pháp khấu hao:

- TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc, thiết bị	2 – 15
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 10
Gia súc	6
Khác	3-10

- TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.
- TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 2 - 6 năm.
- Tài sản cố định vô hình khác phản ánh thương hiệu và giá trị quan hệ khách hàng, có được thông qua hợp nhất kinh doanh, ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Thương hiệu và giá trị quan hệ khách hàng được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 – 10 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư (“BĐSDT”)

- Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.
- Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tập đoàn bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được Bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.
- Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản qua thời gian hữu dụng ước tính. Tập đoàn không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.
- Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhóm	Thời gian (năm)
Quyền sử dụng đất	49
Cơ sở hạ tầng	10
Nhà cửa	6 – 50

- Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng chênh lệch giữa tiền thu thuần từ thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

8. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

9. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại / thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại / phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại / thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi / nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc phân bổ các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.
- Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - + Theo thời gian hữu dụng xác định: Phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà, thuê đất trả trước.
 - + Theo thời gian hữu dụng ước tính: Phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ, v.v.

▪ **Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê (“Thông tư 45”). Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

▪ **Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VNĐ và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 4 năm.

▪ **Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

11. Lợi thế thương mại

- Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban Điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.
- Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

12. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

- Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.
- Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh theo nguyên tắc:
 - + Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tập đoàn và người bán (là đơn vị độc lập với Tập đoàn, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
 - + Phải trả khác gồm các khoản phải trả phi thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:
 - Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, phải trả cho các hoạt động đầu tư;
 - Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
 - Các khoản phải trả phi thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn v.v.
- Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

- Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.
- Tập đoàn theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.
- Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

- Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Tập đoàn ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:
 - + Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu).
 - + Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
 - + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
 - + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

15. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả

- Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.
- Giá trị của khoản dự phòng phải trả được ghi nhận trên các ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ cuối kỳ kế toán.
- Tập đoàn ghi nhận các khoản dự phòng phải trả theo các nội dung chính sau:
 - + Dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.
 - Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.
- + Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật)
 - + Dự phòng phải trả khác

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

- Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tập đoàn chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ.
- Doanh thu nhận trước được phân bổ căn cứ trên việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ đã thu tiền trước.

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn cổ phần: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
 - + Vốn cổ phần được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Hiện tại Tập đoàn chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết.
 - + Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.
 - + Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ): Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, trừ các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Việc mua lại cổ phiếu được phân loại như cổ phiếu quỹ theo vốn chủ sở hữu. Khi các cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

quỹ này được bán hoặc phát hành lại, số tiền thu được ghi nhận như một khoản tăng thêm của vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thặng dư hay thiếu hụt giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu quỹ, tính theo phương pháp bình quân gia quyền, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.
- Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.
- Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.
- Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:
 - + Quỹ đầu tư phát triển được trích theo 10% lợi nhuận sau thuế.
 - + Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích theo 10% lợi nhuận sau thuế.
- Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông, Ban Điều hành hoặc Tổng Giám đốc tùy thuộc vào bản chất và quy mô của nghiệp vụ đã được nêu trong Điều lệ và Quy chế Quản lý Tài chính của Công ty. Khi quỹ Đầu tư phát triển được dùng để mở rộng kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển vào vốn cổ phần.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.
- Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành giao dịch được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.
- Doanh thu cho thuê: Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.
 - + Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng mỗi kỳ.
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Doanh thu từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn: Doanh thu từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

19. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

- Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:
 - + Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn giá trị gia tăng (“GTGT”) hoặc hóa đơn bán hàng.
 - + Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
 - + Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.
- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tập đoàn ghi nhận theo nguyên tắc:
 - + Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
 - + Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

20. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

- Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư, v.v) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

21. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - + Lỗ đầu tư chứng khoán: được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này. Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: trên cơ sở thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.
 - + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành; và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
 - + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước.
 - + Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại, phát sinh từ việc: ghi nhận tài sản thuế hoãn lại trong kỳ; hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận từ các kỳ trước;

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- + Không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu
- Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 10% đến 40% trên thu nhập chịu thuế (giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016: 16,5% đến 40%), tùy ngành nghề kinh doanh của các nhà máy sản xuất. Công ty và tất cả công ty con đều có phát sinh chi phí thuế thu nhập trong kỳ.

23. Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

25. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

26. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan của Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

27. Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

a. Tài sản tài chính

➤ **Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp loại tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

➤ **Các khoản cho vay và phải thu**

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

➤ **Tài sản sẵn sàng để bán**

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

b. Nợ phải trả tài chính

➤ **Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ **Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

28. Cơ sở hợp nhất

➤ **Công ty con**

- Công ty con là những đơn vị mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát đơn vị hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát chấm dứt.
- Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

➤ **Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

- Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.
- Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

➤ **Mất quyền kiểm soát**

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Khi Tập đoàn mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

➤ **Công ty liên kết**

- Công ty liên kết là tất cả các đơn vị trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở đơn vị đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá lũy kế.
- Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho công ty liên kết.

➤ **Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

- Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

➤ **Hợp nhất kinh doanh**

- Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

V. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Tập đoàn đánh giá những rủi ro sau từ việc sử dụng các công cụ tài chính:
 - Rủi ro thị trường;
 - Rủi ro tín dụng; và
 - Rủi ro thanh khoản
- Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.
- Ban Kiểm soát của Tập đoàn (kể từ sau ngày 15 tháng 4 năm 2017 là Tiểu ban Kiểm toán thuộc Hội Đồng Quản trị Công ty) chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.
- Ban Điều hành có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Điều hành có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.
- Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

1. Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Mục tiêu quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát rủi ro mà Tập đoàn có thể gặp phải trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hoá lợi nhuận.

a. Rủi ro tiền tệ

- Tập đoàn phải chịu rủi ro tiền tệ trong các giao dịch mua bán sử dụng đơn vị tiền tệ khác VNĐ. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này chủ yếu là USD và EUR (các loại tiền tệ khác có giao dịch không trọng yếu).
- Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách mua bán ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay trong trường hợp cần thiết để giải quyết tình trạng mất cân đối trong ngắn hạn đồng thời lập kế hoạch thanh toán bằng ngoại tệ với mức độ chính xác cao nhất có thể.

- Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD và EUR như sau :

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

	Tiền gốc ngoại tệ		VNĐ tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	4.330.629,00	794,75	98.348.584.590	19.208.312
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.931.512,44	-	293.674.647.448	-
	<u>17.262.141,44</u>	<u>794,75</u>	<u>392.023.232.038</u>	<u>19.208.312</u>
Nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	(23.843.585,91)	(2.585.661,47)	(543.156.886.916)	(63.157.367.066)
	<u>(23.843.585,91)</u>	<u>(2.585.661,47)</u>	<u>(543.156.886.916)</u>	<u>(63.157.367.066)</u>
Mức độ rủi ro tiền tệ	<u>(6.581.444,47)</u>	<u>(2.584.866,72)</u>	<u>(151.133.654.878)</u>	<u>(63.138.158.754)</u>

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

	Tiền gốc ngoại tệ		VNĐ tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	793.766,71	797,30	18.018.504.317	19.013.213
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.235.629,42	-	527.448.787.933	-
	<u>24.029.396,13</u>	<u>797,30</u>	<u>545.467.292.250</u>	<u>19.013.213</u>
Nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	(27.364.039,68)	(1.007.931,67)	(623.626.464.193)	(24.373.803.644)
	<u>(27.364.039,68)</u>	<u>(1.007.931,67)</u>	<u>(623.626.464.193)</u>	<u>(24.373.803.644)</u>
Mức độ rủi ro tiền tệ	<u>(3.334.643,55)</u>	<u>(1.007.134,37)</u>	<u>(78.159.171.943)</u>	<u>(24.354.790.431)</u>

Các tỷ giá chính được áp dụng trong kỳ như sau:

	31/3/2017		01/01/2017	
	VNĐ		VNĐ	
	Tỷ giá bán	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán	Tỷ giá mua
USD	22.780	22.710	22.790	22.700
EUR	24.426	24.169	24.182	23.847

- Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- + Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, nếu đồng Việt Nam yếu đi/mạnh lên 1% so với đô la Mỹ trong khi các biến số khác đặc biệt là lãi suất, giữ nguyên không đổi và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn một khoản là 1.209.069.237 VNĐ, chủ yếu do lỗ/lãi ngoại hối trong việc quy đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đồng USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- + Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, nếu đồng VNĐ yếu đi/mạnh lên 1% so với đồng EUR trong khi các biến số khác đặc biệt là lãi suất, giữ nguyên không đổi và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn một khoản là 505.105.269 VNĐ, chủ yếu do lỗ/lãi ngoại hối trong việc quy đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đồng EUR.

b. Rủi ro giá cả

- Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong các năm vừa qua.
- Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết, nếu giá các chứng khoán tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn sẽ không bị ảnh hưởng trọng yếu.

c. Rủi ro lãi suất

Các biến động lãi suất sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn.

2. **Rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng là rủi ro xảy ra tổn thất tài chính đối với Tập đoàn nếu một khách hàng hay bên đối tác của một công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu của Tập đoàn.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng:

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<u>31/3/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.215.118.230.687	654.067.652.192
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.067.453.820.000	10.201.117.421.871
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.078.003.239.793	2.567.862.867.313
	<u>15.360.575.290.480</u>	<u>13.423.047.941.376</u>

- Tiền và các khoản tương đương tiền:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính có uy tín. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn bao gồm trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi có kỳ hạn. Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được giữ chủ yếu bởi các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.
- Rủi ro tín dụng đầu tư vào trái phiếu của Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi các nhân tố riêng của bên phát hành. Trong việc kiểm soát rủi ro đối với khoản mục này, Ban Điều hành của Tập đoàn đã phân tích mức độ tín nhiệm của bên phát hành trước khi mua. Ban Điều hành nhận thấy rằng bên phát hành có khả năng tài chính tốt và tin rằng rủi ro tín dụng của các công cụ nợ này là thấp.
- Không có khoản dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nào tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017.

- Phải thu khách hàng và phải thu khác

- Mức độ rủi ro tín dụng của Tập đoàn bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.
- Ban Điều hành đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới được đánh giá về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Tập đoàn với điều kiện trả tiền trước.
- Tập đoàn sẽ lập dự phòng phải thu khó đòi để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng và phải thu khác. Cấu phần chính của khoản dự phòng là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

a. Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị:

- Tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng được xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không giảm giá chủ yếu là từ các Công ty có lịch sử thanh toán tốt cho Tập đoàn.
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị của Tập đoàn là 2.970.471.247.330 VNĐ tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 (01/01/2017: 2.491.761.380.210 VNĐ).

b. Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu.
- Các khoản phải thu quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị bao gồm như sau:

	31/3/2017	01/01/2017
Quá hạn 1 đến 30 ngày	115.007.173.253	81.855.992.649
Quá hạn 31 đến 60 ngày	7.669.762.229	13.755.346.112
Quá hạn 61 đến 90 ngày	1.570.939.250	3.781.593.648
Quá hạn hơn 90 ngày	697.440.038	778.939.970
	124.945.314.770	100.171.872.379

- Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu được đánh giá là có suy giảm giá trị và biến động của dự phòng suy phải thu khó đòi có liên quan như sau:

	31/3/2017	01/01/2017
Tổng công nợ khó đòi	5.097.849.573	4.643.578.587
Trừ : Dự phòng phải thu khó đòi	(4.812.846.473)	(4.168.573.420)
	285.003.100	475.005.167

	Kỳ này	Năm trước
Số dư đầu kỳ	4.168.573.420	3.211.964.123
Dự phòng tăng	718.266.467	2.503.289.567
Xóa sổ nợ phải thu khó đòi	(76.540.948)	(1.588.624.041)
CLTG quy đổi tiền tệ	2.547.534	41.943.771
Số dư cuối kỳ	4.812.846.473	4.168.573.420

3. Rủi ro thanh khoản:

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Tập đoàn và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Bảng sau phân tích các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được của Tập đoàn theo thời hạn đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền không chiết khấu theo hợp đồng.

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Dòng tiền theo hợp đồng</u>	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 2 năm</u>	<u>Từ 2 đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017						
- Phải trả người bán	2.403.605.166.199	2.403.605.166.199	2.403.605.166.199	-	-	-
- Phải trả người lao động	125.707.095.455	125.707.095.455	125.707.095.455	-	-	-
- Chi phí phải trả	1.119.390.469.461	1.119.390.469.461	1.119.390.469.461	-	-	-
- Phải trả ngắn hạn khác	612.150.506.527	612.150.506.527	612.150.506.527	-	-	-
- Vay và nợ ngắn hạn	174.251.757.485	177.986.590.135	177.986.590.135	-	-	-
- Phải trả dài hạn khác	197.635.138	197.635.138	-	197.635.138	-	-
- Vay và nợ dài hạn	327.110.398.182	364.549.725.682	18.052.936.000	8.616.174.000	328.710.217.500	9.170.398.182
	<u>4.762.413.028.447</u>	<u>4.803.587.188.597</u>	<u>4.456.892.763.777</u>	<u>8.813.809.138</u>	<u>328.710.217.500</u>	<u>9.170.398.182</u>
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017						
- Phải trả người bán	2.561.910.262.979	2.561.910.262.979	2.561.910.262.979	-	-	-
- Phải trả người lao động	192.349.429.102	192.349.429.102	192.349.429.102	-	-	-
- Chi phí phải trả	1.025.974.683.705	1.025.974.683.705	1.025.974.683.705	-	-	-
- Phải trả ngắn hạn khác	592.099.957.922	592.099.957.922	592.099.957.922	-	-	-
- Vay và nợ ngắn hạn	1.332.666.200.200	1.344.537.512.722	1.344.537.512.722	-	-	-
- Phải trả dài hạn khác	589.208.918	589.208.918	-	589.208.918	-	-
- Vay và nợ dài hạn	326.970.398.182	364.085.654.849	15.584.306.667	8.612.380.000	330.718.570.000	9.170.398.182
	<u>6.032.560.141.008</u>	<u>6.081.546.710.197</u>	<u>5.732.456.153.097</u>	<u>9.201.588.918</u>	<u>330.718.570.000</u>	<u>9.170.398.182</u>

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

4. Đo lường theo giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính hợp nhất như sau:

	Thuyết minh	31/3/2017		01/01/2017	
		Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*):					
- Tiền gửi có kỳ hạn	(i)	9.577.453.820.000	9.577.453.820.000	9.711.117.421.871	9.711.117.421.871
- Trái phiếu doanh nghiệp	(iv)	490.000.000.000	Thuyết minh (iv)	490.000.000.000	Thuyết minh (iv)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:					
- Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	2.215.118.230.687	2.215.118.230.687	654.067.652.192	654.067.652.192
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	(i)	3.078.003.239.793	3.078.003.239.793	2.567.862.867.313	2.567.862.867.313
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:					
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết sẵn sàng để bán	(ii)	1.108.409.931	607.608.103	1.107.921.870	607.335.784
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết sẵn sàng để bán	(iii)	24.600.116	24.600.116	24.599.616	24.599.616
- Đầu tư ngắn hạn khác	(iv)	442.000.000.000	442.000.000.000	442.000.000.000	442.000.000.000
- Các khoản đầu tư dài hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết sẵn sàng để bán	(ii)	-	-	-	-
- Đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư	(iv)	10.270.276.240	Thuyết minh (iv)	10.270.276.240	Thuyết minh (iv)
- Đầu tư dài hạn khác	(iv)	1.117.560.000	Thuyết minh (iv)	1.117.200.000	Thuyết minh (iv)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:					
- Phải trả người bán và phải trả khác	(i)	4.762.413.028.447	4.762.413.028.447	6.032.560.141.008	6.032.560.141.008

(*): bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

i. Tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính gần bằng với giá trị hợp lý của chúng do các công cụ này có thời gian đáo hạn ngắn.

ii. Các khoản đầu tư ngắn và dài hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết

Giá trị thị trường của công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh dựa trên giá đóng cửa của ngày giao dịch chính thức cuối cùng của kỳ/năm tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

iii. Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn chưa niêm yết dựa trên giá giao dịch bình quân do 03 (ba) công ty chứng khoán cung cấp.

iv. Trái phiếu doanh nghiệp ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn khác, trái phiếu doanh nghiệp dài hạn và đầu tư dài hạn khác

Tập đoàn không xác định được giá trị hợp lý của các tài sản và nợ tài chính nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ :

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.642.490.562	1.355.443.244
- Tiền gửi ngân hàng	517.118.230.687	598.566.823.415
- Tiền đang chuyển	-	828.777
- Các khoản tương đương tiền	1.698.000.000.000	55.500.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	1.698.000.000.000	55.500.000.000
• Cổ phiếu	-	-
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	<u>2.216.760.721.249</u>	<u>655.423.095.436</u>

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Abdulkarim Alwan Foodstuff Trading (Llc)	246.987.714.750	429.110.901.892
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.364.293.787.871	1.762.237.556.690
Cộng	<u>2.611.281.502.621</u>	<u>2.191.348.458.582</u>
<i>Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan:</i>		
Công ty liên kết		
- Công ty Cổ phần Apis	-	136.184.400
Cộng	<u>-</u>	<u>136.184.400</u>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	474.618.703.937	(665.007.234)	390.619.273.181	(475.005.167)
- Phải thu lãi tiền gửi	256.308.883.137	-	269.061.980.250	-
- Phải thu lãi trái phiếu, cho vay	27.530.863.015	-	17.595.726.029	-
- Phải thu người lao động	2.732.262.347	-	809.687.030	-
- Tạm ứng	3.206.508.654	-	3.185.564.959	-
- Ký cược, ký quỹ	9.468.485.602	-	9.449.358.271	-
- Thuế NK còn được hoàn	18.215.887.796	-	27.796.047.217	-
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	3.300.000.000	-	54.797.825.720	-
- Phải thu khác	153.855.813.386	(665.007.234)	7.923.083.705	(475.005.167)
b. Dài hạn	14.614.205.003	-	14.609.099.414	-
- Ký cược, ký quỹ	8.366.520.177	-	8.361.414.588	-
- Phải thu khác	6.247.684.826	-	6.247.684.826	-
Cộng	489.232.908.940	(665.007.234)	405.228.372.595	(475.005.167)

4. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng tồn kho	-	509.196.255	-	76.396.513
Cộng	-	509.196.255	-	76.396.513

5. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.049.460.734	-	1.031.046.334	-
Cộng	1.049.460.734	-	1.031.046.334	-

Trong đó:

	Quá hạn 1 đến 30 ngày	Quá hạn 31 đến 60 ngày	Quá hạn 61 đến 90 ngày	Quá hạn hơn 90 ngày
- Nguyễn Cao Sơn	-	-	-	950.010.334

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	1.133.010.047	632.208.219	(500.850.428)	1.132.521.486	631.935.400	(500.629.886)
- Tổng giá trị trái phiếu	-	-	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	442.000.000.000	442.000.000.000	-	442.000.000.000	442.000.000.000	-
+ NH TMCP Bảo Việt (*)	442.000.000.000	442.000.000.000	-	442.000.000.000	442.000.000.000	-
Cộng	443.133.010.047	442.632.208.219	(500.850.428)	443.132.521.486	442.631.935.400	(500.629.886)

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đã ký một thỏa thuận mua bán cổ phiếu để chuyển nhượng chứng khoán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt, giao dịch này vẫn chưa hoàn tất (Thuyết minh VI.21). Giá trị trị ghi sổ của cổ phiếu phản ánh số tiền dự kiến có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau :

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu năm	(500.629.886)	(72.195.440.247)
- Trích lập dự phòng	-	(245.096.300)
- Hoàn nhập dự phòng	-	15.666.000
- Sử dụng dự phòng	-	185.235.106
- CLTG do quy đổi	(220.542)	4.190.294
Số cuối kỳ	(500.850.428)	(72.235.445.147)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết			436.519.292.920	-	-	419.909.385.728	-	-
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn (**)	15,00%	15,00%	75.559.535.919	-	-	72.902.360.632	-	-
- Công ty Cổ phần APIS (**)	18,00%	18,00%	8.735.969.788	-	-	8.364.035.008	-	-
- Công ty TNHH MIRAKA	22,81%	22,81%	352.223.787.213	-	-	338.642.990.088	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác			11.387.836.240	-	(7.493.105.587)	11.387.476.240	-	(7.490.301.769)
- Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VF2)			10.270.276.240	-	(7.493.105.587)	10.270.276.240	-	(7.490.301.769)
- Nhà thuốc Phòng khám An Khang			300.000.000	-	-	300.000.000	-	-
- Khác			817.560.000	-	-	817.200.000	-	-
Cộng			447.907.129.160	-	(7.493.105.587)	431.296.861.968	-	(7.490.301.769)

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Ban Điều hành đánh giá rằng Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này bởi vì Công ty có thành viên trong Hội đồng Quản trị của các công ty này.

Biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu năm	419.909.385.728	397.130.670.931
- Lãi / (lỗ) trong liên kết	16.609.907.192	11.978.412.638
Số cuối kỳ	436.519.292.920	409.109.083.569

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Số đầu năm	(7.490.301.769)	(4.740.126.948)
- Trích lập dự phòng	(2.803.818)	(2.741.763.366)
- Hoàn nhập dự phòng	-	-
- Sử dụng dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(7.493.105.587)	(7.481.890.314)

c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn	9.877.453.820.000	9.877.453.820.000	10.011.117.421.871	10.011.117.421.871
- Tiền gửi có kỳ hạn	9.577.453.820.000	9.577.453.820.000	9.711.117.421.871	9.711.117.421.871
- Trái phiếu doanh nghiệp (*)	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
Dài hạn	190.000.000.000	(**)	190.000.000.000	(**)
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu doanh nghiệp (*)	190.000.000.000	(**)	190.000.000.000	(**)
Cộng	10.067.453.820.000	9.877.453.820.000	10.201.117.421.871	10.011.117.421.871

(*) Các khoản này phản ánh các khoản đầu tư vào trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phát hành với thời gian đáo hạn gốc là 36 tháng từ ngày mua. Các trái phiếu này không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm từ 8,1% đến 8,4% (2016: từ 7,0% đến 8,4%) và có thể thu được lần lượt trong tháng 6 năm 2017 và tháng 9 năm 2018.

(**) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường	560.821.318.175	-	634.956.689.982	-
- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật	2.210.861.033.631	(2.392.921.816)	2.533.783.474.836	(7.137.697.729)
- Công cụ, dụng cụ	17.376.784.091	-	17.581.053.761	-
- Chi phí SXKD dở dang	78.218.880.483	-	54.226.522.481	-
- Thành phẩm	1.015.723.636.578	(1.174.522.161)	1.202.995.232.465	(9.535.793.517)
- Hàng hoá	35.586.089.512	-	90.105.103.241	-
- Hàng gửi đi bán	6.361.425.344	-	4.791.796.832	-
Cộng	3.924.949.167.814	(3.567.443.977)	4.538.439.873.598	(16.673.491.246)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số dư đầu kỳ	(16.673.491.246)	(17.274.104.181)
- Trích lập dự phòng	(1.606.782.664)	(677.214.221)
- Hoàn nhập dự phòng	7.576.174.337	2.248.249.760
- Sử dụng dự phòng	7.136.655.596	1.541.875.968
Số cuối kỳ	(3.567.443.977)	(14.161.192.674)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Bò từ 12 đến 16 tháng tuổi	79.981.224.080	127.671.589.409
Tổng	79.981.224.080	127.671.589.409

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị ghi sổ của các con bò dưới 16 tháng tuổi, và chi phí này sẽ được chuyển vào tài sản cố định hữu hình dưới danh mục gia súc khi kết thúc giai đoạn mười sáu tháng, khi các con bò đã sẵn sàng cho việc sản xuất sữa.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Số dư đầu kỳ	865.440.052.609	761.285.112.786
- Tăng trong kỳ	477.085.563.814	188.157.808.974
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(166.699.675.939)	(180.230.320.225)
- Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	-
- Chuyển sang hàng tồn kho	(784.229.851)	(38.239.526)
- Chuyển sang chi phí trả trước	(2.830.088.354)	(812.540.272)
- Thanh lý	(217.376.364)	(394.102.311)
- Tăng/(giảm) khác	(938.142.493)	(1.785.120.282)
- Chênh lệch quy đổi tiền tệ	6.882.724	(103.218.118)
Số cuối kỳ	<u>1.171.062.986.146</u>	<u>766.079.381.026</u>

Trong đó có giá trị các công trình lớn đang được thực hiện như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Máy móc thiết bị - NMS Việt Nam	180.085.696.973	179.888.609.336
Máy móc thiết bị - NMS Sài Gòn	66.318.925.098	90.072.363.870
Máy móc thiết bị - NM Sữa Nghệ An	205.594.187.509	43.770.007.044
Trang trại bò sữa Tây Ninh	296.306.508.507	233.475.427.576
Trang trại bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa	162.418.391.097	102.020.948.231
Khác	260.339.276.962	216.212.696.552
Số cuối kỳ	<u>1.171.062.986.146</u>	<u>865.440.052.609</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Gia súc	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<u>I. Nguyên giá</u>							
Số đầu năm	3.007.241.465.794	9.191.877.230.900	846.918.883.799	517.689.874.335	605.814.584.799	88.196.627.500	14.257.738.667.127
Mua sắm mới	3.299.081.210	7.932.982.583	1.737.155.636	8.286.074.000	-	1.236.233.975	22.491.527.404
Đầu tư XDCB hoàn thành	71.051.783.401	95.507.785.909	-	140.106.629	-	-	166.699.675.939
Súc vật nuôi chuyển đàn	-	-	-	-	78.928.136.495	-	78.928.136.495
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	7.262.108.643	-	(6.640.660.773)	-	(621.447.870)	-
Thanh lý, nhượng bán	(150.616.364)	(2.684.874.340)	(5.114.888.808)	(867.320.718)	(32.880.957.249)	-	(41.698.657.479)
Giảm khác	-	(277.046.182)	-	-	-	-	(277.046.182)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	99.574.216	299.171.427	41.207.113	17.063.295	-	44.409.133	501.425.184
Số cuối kỳ	3.081.541.288.257	9.299.917.358.940	843.582.357.740	518.625.136.768	651.861.764.045	88.855.822.738	14.484.383.728.488
<u>II. Giá trị hao mòn lũy kế</u>							
Số đầu năm	741.036.482.817	4.616.175.131.644	380.716.907.457	361.670.334.825	171.989.165.477	69.827.651.963	6.341.415.674.183
Khấu hao trong kỳ	40.478.931.520	202.550.076.505	20.063.017.000	14.728.819.673	25.907.543.220	2.007.268.101	305.735.656.019
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	36.372.757	2.719.970.634	-	(2.503.803.024)	-	(252.540.367)	-
Thanh lý, nhượng bán	(97.900.629)	(1.279.676.437)	(4.697.488.808)	(867.320.718)	(15.699.199.339)	-	(22.641.585.931)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	30.338.404	185.375.035	24.800.098	14.591.584	-	40.868.155	295.973.276
Số cuối kỳ	781.484.224.869	4.820.350.877.381	396.107.235.747	373.042.622.340	182.197.509.358	71.623.247.852	6.624.805.717.547
<u>III. Giá trị còn lại</u>							
+ Số đầu năm	2.266.204.982.977	4.575.702.099.256	466.201.976.342	156.019.539.510	433.825.419.322	18.368.975.537	7.916.322.992.944
+ Số cuối kỳ	2.300.057.063.388	4.479.566.481.559	447.475.121.993	145.582.514.428	469.664.254.687	17.232.574.886	7.859.578.010.941

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 1.355.956.750.978 VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (01/01/2017: 1.666.304.535.994 VNĐ).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
+Số đầu năm	375.681.235.405	132.950.792.308	49.259.000.000	557.891.027.713
+Tăng trong năm				
-Mua sắm mới	-	857.000.000	-	857.000.000
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-
+Giảm trong năm				
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
-Chuyển sang BĐS Đầu tư	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-
-Chênh lệch quy đổi tiền tệ	92.147.130	809.800	21.700.000	114.656.930
+ Số cuối kỳ	375.773.382.535	133.808.602.108	49.280.700.000	558.862.684.643
Giá trị hao mòn lũy kế				
+Số đầu năm	28.721.931.735	91.070.002.209	33.369.000.000	153.160.933.944
+Tăng trong năm				
-Khấu hao	544.623.423	3.619.788.892	-	4.164.412.315
-Tăng khác	-	-	-	-
+Giảm trong năm	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-
-Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	377.907	14.700.000	15.077.907
+ Số cuối kỳ	29.266.555.158	94.690.169.008	33.383.700.000	157.340.424.166
Giá trị còn lại				
+ Số đầu năm	346.959.303.670	41.880.790.099	15.890.000.000	404.730.093.769
+ Số cuối kỳ	346.506.827.377	39.118.433.100	15.897.000.000	401.522.260.477

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 53.207.704.915 VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (01/01/2017: 48.086.488.915VNĐ).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá				
+Số đầu năm	82.224.238.170	90.989.593.826	6.464.218.561	179.678.050.557
+Tăng trong kỳ				
- Mua sắm mới	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-
- Chuyển từ TSCĐ	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ				
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
+ Số cuối kỳ	82.224.238.170	90.989.593.826	6.464.218.561	179.678.050.557
Giá trị hao mòn lũy kế				
+Số đầu năm	2.645.189.674	35.483.908.620	4.575.569.937	42.704.668.231
+Tăng trong kỳ				
- Khấu hao trong kỳ	198.389.226	992.593.727	152.841.003	1.343.823.956
- Tăng khác	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ				
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.843.578.900	36.476.502.347	4.728.410.940	44.048.492.187
Giá trị còn lại				
+ Số đầu năm	79.579.048.496	55.505.685.206	1.888.648.624	136.973.382.326
+ Số cuối kỳ	79.380.659.270	54.513.091.479	1.735.807.621	135.629.558.370

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn phản ánh nhà cửa và cơ sở hạ tầng nắm giữ để cho thuê.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê có thể khác với giá trị ghi sổ.

Trong bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 7.892.173.774 VNĐ đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (01/01/2017: 7.892.173.774 VNĐ).

13. Lợi thế thương mại

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu kỳ	123.983.090.462	142.345.015.058
Khấu hao trong kỳ	(4.590.481.149)	(4.590.481.149)
Số cuối kỳ	119.392.609.313	137.754.533.909

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

14. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Chênh lệch do quy đổi	Số cuối kỳ
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	5.166.842.293	1.825.943.058	3.083.318.157	-	3.909.467.194
- Chi phí quảng cáo	5.746.426.437	2.929.120.907	3.977.657.364	-	4.697.889.980
- Chi phí bảo trì	2.628.565.218	5.142.349.945	3.061.516.460	-	4.709.398.703
- Chi phí thuê mặt bằng, vị trí	7.007.482.846	7.768.008.366	5.703.828.099	-	9.071.663.113
- Chi phí vật liệu, CCDC	22.178.505.168	6.149.074.175	10.933.018.860	95.313	17.394.655.796
- Chi phí cải tạo, sửa chữa lớn	2.809.598.781	2.610.425.398	1.352.253.986	-	4.067.770.193
- Chi phí khác	13.750.933.104	68.056.428.696	61.450.421.877	9.781.962	20.366.721.885
Cộng	59.288.353.847	94.481.350.545	89.562.014.803	9.877.275	64.217.566.864

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Kết chuyển giảm khác	Chênh lệch quy đổi tiền tệ	Số cuối kỳ
- Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng	233.057.352.676	1.641.629.777	1.546.386.941	86.350.489	14.440.019	233.080.685.042
- Chi phí CCDC	183.921.289.004	26.769.800.583	25.994.647.493	202.760.317	179.160	184.493.860.937
- Chi phí trả trước dài hạn khác	42.416.415.349	3.587.262.937	7.976.969.795	(86.350.489)	520.858	38.113.579.838
Cộng	459.395.057.029	31.998.693.297	35.518.004.229	202.760.317	15.140.037	455.688.125.817

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	20%	373.718.234	-
Chi phí phải trả và dự phòng	20%	22.240.424.679	35.072.880.406
		22.614.142.913	35.072.880.406
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	20%	(2.306.361)	(422.067.654)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		22.611.836.552	34.650.812.752

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất (*)	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Phải thu khách hàng	40%	2.355.853.644	2.354.816.280
Hàng tồn kho	40%	1.170.980.832	1.170.465.209
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	40%	45.816.261.872	45.796.087.384
Chi phí phải trả	40%	6.333.007.622	6.138.857.752
Khác	40%	503.530.663	503.308.941
		56.179.634.633	55.963.535.566
Dự phòng định giá	40%	(42.244.283.199)	(42.225.681.578)
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		13.935.351.434	13.737.853.988
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Tài sản cố định	40%	(103.661.808.597)	(103.616.162.711)
Khác	40%	(1.089.448.890)	(147.280.777)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(104.751.257.487)	(103.763.443.488)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần		(90.815.906.053)	(90.025.589.500)

(*) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lỗ tính thuế sử dụng mức thuế suất có hiệu lực của Driftwood Dairy Holdings Corporation, một công ty con thành lập và hoạt động tại Mỹ và Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia, một công ty con được thành lập và hoạt động tại Ba Lan.

16. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	2.403.605.166.199	2.403.605.166.199	2.561.910.262.979	2.561.910.262.979
<i>Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan:</i>				
Công ty liên kết				
- Công ty Cổ phần Apis	7.381.742.670	7.381.742.670	8.760.950.000	8.760.950.000

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

17. Vay ngắn hạn và dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch quy đổi tiền tệ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.332.666.200.200	1.332.666.200.200	678.543.472.182	(1.837.107.787.294)	149.872.397	174.251.757.485	174.251.757.485
- Vay ngắn hạn ngân hàng	1.287.266.200.200	1.287.266.200.200	678.543.472.182	(1.837.107.787.294)	129.872.397	128.831.757.485	128.831.757.485
- Vay dài hạn đến hạn trả	45.400.000.000	45.400.000.000	-	-	20.000.000	45.420.000.000	45.420.000.000
Vay dài hạn	326.970.398.182	326.970.398.182	-	-	140.000.000	327.110.398.182	327.110.398.182
- Vay dài hạn ngân hàng	317.800.000.000	317.800.000.000	-	-	140.000.000	317.940.000.000	317.940.000.000
- Nợ dài hạn	9.170.398.182	9.170.398.182	-	-	-	9.170.398.182	9.170.398.182
Cộng	1.659.636.598.382	1.659.636.598.382	678.543.472.182	(1.837.107.787.294)	289.872.397	501.362.155.667	501.362.155.667

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Lãi suất năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(i)	VNĐ	4,90%	-	1.100.000.000.000
The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd. – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(ii)	VNĐ	4,90%	-	100.000.000.000
Wells Fargo	(iii)	USD	2, 899%	128.831.757.485	87.266.200.200
				128.831.757.485	1.287.266.200.200

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.300 tỷ VNĐ và không được đảm bảo.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50 triệu USD và không được đảm bảo.
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 302.042 triệu VNĐ tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 (01/01/2017: 169.897 triệu VNĐ)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Sumitomo Mitsui Banking Corporation	(i)	USD	2,71%	2020	363.360.000.000	363.200.000.000
Các cá nhân	(ii)	VNĐ	Không	2039	9.170.398.182	9.170.398.182
					372.530.398.182	372.370.398.182

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng ký quỹ dài hạn và tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 lần lượt là 76.500 triệu VNĐ (01/01/2017: 76.500 triệu VNĐ) và 412.490 triệu VNĐ (01/01/2017: 424.927).
- (ii) Các khoản vay này không có đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

18. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Chênh lệch quy đổi tiền tệ	Số cuối kỳ
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	51.360.423.060	439.686.734.695	308.418.442.663	8.653.850	182.637.368.942
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	9.154.300.018	66.000.179.952	45.679.594.924	-	29.474.885.046
- Thuế GTGT nhà thầu	241.321.774	2.052.632.980	1.573.081.213	-	720.873.541
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	294.122.084	(3.068.617)	-	122.798	291.176.265
- Thuế xuất, nhập khẩu	1.974.408.062	19.729.784.462	12.742.627.756	(242.398)	8.961.322.370
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	174.771.741.111	528.294.248.598	189.074.031.088	(2.227.375)	513.989.731.246
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu	1.122.096.141	5.229.079.841	4.495.262.561	-	1.855.913.421
- Thuế thu nhập cá nhân	14.917.198.239	138.044.352.937	145.785.594.092	181.996	7.176.139.080
- Thuế tài nguyên	63.609.298	216.389.664	213.321.352	-	66.677.610
- Thuế nhà đất	-	12.220.690	12.220.690	-	-
- Tiền thuê đất	-	117.978.491	117.978.491	-	-
- Các loại thuế khác	1.610.911.073	561.465.372	1.028.424.277	625.241	1.144.577.409
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	157.362.080	154.122.080	-	3.240.000
Cộng	255.510.130.860	1.200.099.361.145	709.294.701.187	7.114.112	746.321.904.930

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Khuyến mại, hỗ trợ chi phí bán hàng	570.240.211.124	584.298.882.216
- Chi phí thuê ụ, kệ, hộp đèn, vị trí trưng bày	14.231.638.848	922.786.364
- Chi phí quảng cáo	281.913.358.124	170.814.940.905
- Chi phí vận chuyển	79.690.348.091	77.412.131.182
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	45.091.155.202	11.769.500.442
- Chi phí lãi vay	-	21.082.620.101
- Chi phí nhiên liệu	12.962.070.818	13.959.796.579
- Chi phí nhân công thuê ngoài	37.773.040.455	62.494.315.062
- Chi phí phải trả khác	77.488.646.799	83.219.710.854
Cộng	1.119.390.469.461	1.025.974.683.705

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

20. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước	802.734.364	3.360.079.979
b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
- Doanh thu nhận trước	1.663.272.218	1.663.272.218
Cộng	<u>2.466.006.582</u>	<u>5.023.352.197</u>

21. Các khoản phải trả khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	612.150.506.527	592.099.957.922
- BHXH, BHYT, BHTN	2.281.037.854	19.680.495
- Kinh phí công đoàn	987.450.719	709.099.419
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	87.038.882.980	71.249.658.216
- Chi phiếu chưa thanh toán vượt mức số dư ngân hàng	24.779.724.904	8.189.608.390
- Phải trả khác về đầu tư tài chính (*)	448.007.419.155	448.007.419.155
- Cổ tức phải trả	4.003.285.748	4.003.285.748
- Thuế Nhập khẩu phải trả (SX – Hàng XK)	31.534.579.783	42.613.702.494
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.518.125.384	17.307.504.005
b. Các khoản phải trả dài hạn khác	197.635.138	589.208.918
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	197.635.138	589.208.918
Cộng	<u>612.348.141.665</u>	<u>592.689.166.840</u>

(*) Phải trả khác liên quan đến khoản đầu tư tài chính bao gồm một khoản nhận trả trước là 447.822.000.000 VNĐ từ một bên thứ ba về việc chuyển nhượng trong tương lai một khoản đầu tư của Công ty vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (Thuyết minh VI.6(a)). Tại ngày báo cáo, việc chuyển nhượng này chưa hoàn tất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

22. Dự phòng phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Dự phòng phải trả ngắn hạn		
- Dự phòng sữa chữa, bảo dưỡng TSCĐ	2.355.567.358	889.995.571
b. Dự phòng phải trả dài hạn		
- Dự phòng trợ cấp thôi việc	95.307.410.698	95.960.585.167
Cộng	<u>97.662.978.056</u>	<u>96.850.580.738</u>

Biến động dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	95.960.585.167	87.325.705.000
Tăng dự phòng trong năm	-	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(653.174.469)	(784.178.492)
Số dư cuối năm	<u>95.307.410.698</u>	<u>86.541.526.508</u>

23. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dùng để trả khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu kỳ	456.785.376.550	405.464.362.576
Trích lập quỹ	324.460.074.150	212.582.268.101
Sử dụng trong kỳ	(462.366.410.538)	(441.760.332.754)
Số cuối kỳ	<u>318.879.040.162</u>	<u>176.286.297.923</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu kỳ trước	12.006.621.930.000	-	(5.388.109.959)	8.329.599.322	3.291.207.229.973	5.391.795.573.082	231.349.525.167	20.923.915.747.585
- Tăng vốn kỳ trước	2.507.912.360.000	260.699.620.761	5.388.109.959	-	(2.419.035.050.000)	-	-	354.965.040.720
- Mua lại lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(62.222.774.839)	(5.922.583.589)	(68.145.358.428)
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(1.176.335.920)	-	-	-	-	(1.176.335.920)
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	9.350.329.130.383	13.500.647.107	9.363.829.777.490
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	924.847.745.615	(1.849.591.925.847)	-	(924.744.180.232)
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(7.238.478.492.000)	(4.003.285.748)	(7.242.481.777.748)
- Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-	(2.674.905.869)	-	-	2.461.280.987	(213.624.882)
Số dư đầu kỳ	14.514.534.290.000	260.699.620.761	(1.176.335.920)	5.654.693.453	1.797.019.925.588	5.591.831.510.779	237.385.583.924	22.405.949.288.585
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Mua lại lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(2.521.921.480)	-	-	-	-	(2.521.921.480)
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	2.935.068.264.904	(62.830.946)	2.935.005.433.958
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	324.460.074.150	(648.920.148.300)	-	(324.460.074.150)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-	5.361.547.362	-	-	96.204.726	5.457.752.088
Số cuối kỳ	14.514.534.290.000	260.699.620.761	(3.698.257.400)	11.016.240.815	2.121.479.999.738	7.877.979.627.383	237.418.957.704	25.019.430.479.001

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn đầu tư của Nhà nước	5.708.566.336.257	5.708.566.336.257
- Vốn góp của cổ đông khác	8.805.967.953.743	8.805.967.953.743
- Thặng dư vốn cổ phần	260.699.620.761	260.699.620.761
- Cổ phiếu quỹ	(3.698.257.400)	(1.176.335.920)
Cộng	<u>14.771.535.653.361</u>	<u>14.774.057.574.841</u>

Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức và lợi nhuận Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.451.453.429	1.451.453.429
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.451.453.429	1.451.453.429
- Cổ phiếu phổ thông	1.451.453.429	1.451.453.429
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(38.114)	(27.100)
- Cổ phiếu phổ thông	(38.114)	(27.100)
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.451.415.315	1.451.426.329
- Cổ phiếu phổ thông	1.451.415.315	1.451.426.329
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ này		Kỳ trước	
	Số cổ phiếu	Giá trị	Số cổ phiếu	Giá trị
Số dư đầu kỳ	1.451.426.329	14.513.357.954.080	1.200.139.398	12.001.233.820.041
Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) trong kỳ	-	-	-	-
Cổ phiếu thưởng phát hành trong kỳ	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	(11.014)	(2.521.921.480)	-	-
Số dư cuối kỳ	1.451.415.315	14.510.836.032.600	1.200.139.398	12.001.233.820.041

25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	Tương đương VNĐ	Gốc ngoại tệ	Tương đương VNĐ
▪ USD	4.330.629,00	98.348.584.590	793.766,71	18.018.504.317
▪ EUR	794,75	19.208.312	797,30	19.013.213
		98.367.792.902		18.037.517.530

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng doanh thu	12.074.425.433.110	10.369.870.419.298
• Doanh thu bán hàng hóa	454.080.620.551	334.579.560.341
• Doanh thu bán thành phẩm	11.586.637.160.573	10.002.535.878.714
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.288.112.373	12.022.810.224
• Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.943.138.919	3.954.556.575
• Doanh thu kinh doanh khác	16.476.400.694	16.777.613.444
Các khoản giảm trừ doanh thu:	25.056.740.672	36.961.539.682
• Chiết khấu thương mại	4.717.995.629	137.596.997
• Hàng bán bị trả lại	20.338.745.043	36.823.942.685
Doanh thu thuần	12.049.368.692.438	10.332.908.879.616
<i>Trong đó:</i>		
• Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	12.032.137.441.146	10.316.931.512.817
• Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	17.231.251.292	15.977.366.799

Trong đó doanh thu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty liên kết		
- Công ty Cổ phần Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn	2.793.720.034	127.348.524
- Công ty Cổ phần Apis	94.734.000	-
Cộng	2.888.454.034	127.348.524

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước (trình bày lại)</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	369.993.664.192	248.341.899.093
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	5.689.062.845.285	4.861.398.389.224
- Giá vốn của thành phẩm đã khuyến mại	172.135.017.150	193.938.563.284
- Giá vốn của dịch vụ	2.516.571.543	2.026.351.088
- Chi phí hoạt động của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê	2.127.541.897	2.060.469.898
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	371.127.973	-
- Chi phí hoạt động dưới công suất	-	3.081.139
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.969.391.673)	(1.571.035.539)
Cộng	<u>6.230.237.376.368</u>	<u>5.306.197.718.187</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền gửi	176.382.439.303	143.933.453.772
- Lãi trái phiếu	9.935.136.986	9.286.986.295
- Cổ tức	6.449.716	6.036.011
- Lãi từ thanh lý chứng khoán	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	13.432.526.887	15.446.307.274
- Khác	-	-
Cộng	<u>199.756.552.892</u>	<u>168.672.783.352</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí lãi vay	13.393.474.209	8.313.790.353
- Chi phí lãi cho các khoản ký quỹ nhận được	711.492.000	437.937.521
- Lỗ đầu tư chứng khoán	-	-
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	-	783.300
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.553.758.482	21.194.575.426
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	-	229.430.300
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	2.803.818	2.741.763.366
- Khác	-	781.710
Cộng	<u>27.661.528.509</u>	<u>32.919.061.976</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

5. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	12.519.492.257	7.957.839.465
- Thu nhập từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	-	-
- Bồi thường nhận từ các bên khác	1.962.382.234	663.454.395
- Thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	11.000.000.000	29.724.980.343
- Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	17.674.800	69.729.899
- Thu từ các khoản thuế được hoàn	3.573.741	-
- Thu nhập khác	4.920.424.512	5.657.831.769
Cộng	<u>30.423.547.544</u>	<u>44.073.835.871</u>

6. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	19.057.071.548	9.150.611.926
- Chi phí thanh lý TSCĐ	1.500.000	-
- Giá trị còn lại của xây dựng cơ bản dở dang đã thanh lý	217.376.364	394.102.311
- Chi phạt do vi phạm hợp đồng	17.360.000	7.903.632
- Thuế bị phạt, bị truy thu	444.721.668	-
- Chi phí khác	4.903.130.335	1.432.317.746
Cộng	<u>24.641.159.915</u>	<u>10.984.935.615</u>

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trong chi phí sản xuất	4.671.674.658.724	4.240.587.966.340
- Chi phí nhân công	535.371.578.245	494.446.117.006
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	307.456.538.391	289.552.380.211
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	485.527.138.213	454.900.453.856
- Chi phí khác	2.161.447.244.100	2.271.562.120.375
Cộng	<u>8.161.477.157.673</u>	<u>7.751.049.037.788</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Trong đó bao gồm:

Chi phí sản xuất

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.657.733.099.180	4.230.633.629.282
- Chi phí nhân công	271.695.397.295	259.384.373.203
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	276.334.291.441	258.745.035.657
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	200.713.851.110	184.203.307.013
- Chi phí khác	45.334.530.071	43.124.897.991
Cộng	<u>5.451.811.169.097</u>	<u>4.976.091.243.146</u>

Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>(trình bày lại)</u>
- Chi phí cho nhân viên	158.012.265.443	146.303.802.283
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.522.989.398	7.330.104.898
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	32.442.192.800	23.227.620.993
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.236.930.094	9.539.058.549
- Chi phí bảo hành	10.317.168.448	6.921.505.509
- Chi phí vận chuyển hàng bán	135.413.347.797	128.340.071.099
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	84.024.132.302	72.367.495.744
- Chi phí quảng cáo, nghiên cứu thị trường	330.641.847.554	367.642.221.416
- Chi phí dịch vụ khuyến mại, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, hỗ trợ bán hàng	1.531.778.876.487	1.590.789.257.209
Cộng	<u>2.303.389.750.323</u>	<u>2.352.461.137.700</u>

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	105.663.915.506	88.757.941.520
- Chi phí vật liệu quản lý	3.418.570.146	2.624.232.160
- Chi phí đồ dùng văn phòng	3.431.662.946	4.247.649.848
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.885.316.856	21.268.286.005
- Thuế, phí, lệ phí	2.704.574.841	8.631.022.005
- Chi phí dự phòng	699.852.067	783.835.600
- Chi phí vận chuyển hàng nội bộ	12.123.359.047	9.537.143.179
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	49.076.389.538	59.072.807.738
- Chi phí nhập hàng	3.206.516.498	4.823.042.912
- Công tác phí	10.309.756.708	8.188.333.754
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	2.514.859.151	2.945.759.018
- Chi phí khác bằng tiền	20.106.447.892	17.678.040.063
Cộng	<u>234.141.221.196</u>	<u>228.558.093.802</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi là 2.610.608.190.754 VNĐ (2016: 1.944.606.783.209 VNĐ) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 1.451.419.721 cổ phiếu (giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016: 1.440.167.278 cổ phiếu), chi tiết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.935.068.264.904	2.157.189.051.310
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
- Lợi nhuận thuần trong năm – thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	2.935.068.264.904	2.157.189.051.310
- Số trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	324.460.074.150	212.582.268.101
- Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	2.610.608.190.754	1.944.606.783.209
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.451.419.721	1.440.167.278
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.799	1.350

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	1.451.426.329	1.200.139.398
- Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành trong kỳ		240.027.880
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong kỳ	(6.608)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.451.419.721	1.440.167.278

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

9. Thuế thu nhập**a. Chi phí thuế thu nhập hiện hành**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	529.871.502.104	436.166.712.942
Dự phòng thiếu/(thừa) trong kỳ trước	(1.577.253.506)	27.729.021.766
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	-
Cộng	528.294.248.598	463.895.734.708

b. Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	12.787.981.199	833.212.911
- (Chi phí)/lợi ích thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
Cộng	12.787.981.199	833.212.911

c. Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.476.087.663.755	2.626.512.964.197
Thuế theo thuế suất của Công ty	695.217.532.751	525.302.592.839
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất của các chi nhánh và nhà máy của Công ty	(150.163.661)	(937.072.192)
Thu nhập không bị tính thuế	2.141.682.759	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.848.523.301	1.398.734.474
Ưu đãi thuế	(108.008.885.778)	(83.356.440.684)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	(48.389.206.069)	(5.407.888.584)
Dự phòng thiếu/(thừa) trong kỳ trước	(1.577.253.506)	27.729.021.766
Tổng	541.082.229.797	464.728.947.619

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (“SCIC”), sở hữu 39,33% vốn điều lệ của Công ty. SCIC được kiểm soát bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Mua hàng hóa và dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty liên kết:		
- Công ty TNHH Miraka	-	24.586.164.960
- Công ty Cổ phần Apis	15.612.929.700	-
	15.612.929.700	24.586.164.960

ii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lương và các quyền lợi gộp khác của thành viên Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành	52.419.441.604	45.328.708.190

2. Thông tin về bộ phận

- Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là bộ phận chia theo khu vực địa lý.
- Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác Việt Nam (“Nước ngoài”). Tài sản bộ phận và chi tiêu vốn không được trình bày do vị trí tài sản và sản xuất chủ yếu là ở Việt Nam.

CHỈ TIÊU	Quý I năm 2017		Quý I năm 2016	
	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước (trình bày lại)	Nước ngoài
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.105.679.792.099	1.968.745.641.011	8.081.565.107.887	2.288.305.311.411
2. Các khoản giảm trừ	(13.992.418.748)	(11.064.321.924)	(26.772.939.210)	(10.188.600.472)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.091.687.373.351	1.957.681.319.087	8.054.792.168.677	2.278.116.710.939
4. Giá vốn hàng bán	(5.223.278.232.520)	(1.006.959.143.848)	(4.118.162.048.327)	(1.188.035.669.860)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.868.409.140.831	950.722.175.239	3.936.630.120.349	1.090.081.041.079

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

3. Trình bày lại thông tin tài chính đã công bố:

- Công ty thực hiện phân loại lại nội dung Giá vốn hàng bán và Chi phí bán hàng tại Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã công bố trong 3 tháng đầu năm 2016: do trong năm 2016, Công ty có thay đổi hình thức thanh toán hoàn trả cho khách hàng (nhà phân phối) chi phí khuyến mại mua sản phẩm tặng sản phẩm cho khách hàng (điểm bán, người tiêu dùng). Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp: "...chi phí khuyến mại bằng sản phẩm (xuất sản phẩm để khuyến mại) kèm theo các điều kiện khác như phải mua sản phẩm, hàng hóa (ví dụ như mua 2 sản phẩm được tặng 1 sản phẩm....) thì giá trị hàng khuyến mại được tính vào giá vốn hàng bán", các trường hợp khác chi phí khuyến mại được tính vào chi phí bán hàng.
- Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất lũy kế 3 tháng năm 2016 trình bày lại các chỉ tiêu sau :

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế 3 tháng năm 2016	
		Đã công bố	Trình bày lại
4. Giá vốn hàng bán	11	(5.993.498.656.982)	(5.306.197.718.187)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	4.339.410.222.634	5.026.711.161.429
8. Chi phí bán hàng	24	(1.665.160.198.905)	(2.352.461.137.700)
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2.593.424.063.941	2.593.424.063.941

Người lập

Nguyễn Đức Diệu Thơ

Quyền Giám đốc điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Lê Thành Liêm



Tổng Giám đốc

Mai Kiều Liên